

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2014

Số: 1023/QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề cương chi tiết và
Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp 1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân .

Căn cứ quyết định 1636/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế ban hành quy chế đào tạo Bác sỹ chuyên khoa cấp 1 ngành Y.

Xét đề nghị của các ông Trưởng phòng Đào tạo sau Đại học, Trưởng Bộ môn liên quan

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Đề cương chi tiết và Chương trình đào tạo Chuyên khoa cấp 1 Mất, Mã số: 607256.CK

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Trưởng Bộ môn Mất và các bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c)
- Lưu ĐTSĐH;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN MẮT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
LỚP CHUYÊN KHOA I MẮT

HẢI PHÒNG, NĂM 2014

I. Cơ sở xây dựng chương trình

Chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành Mắt được xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

1 - Luật giáo dục được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 27/06/2005.

2 - Nghị định số 75/2006/NĐ - CP ngày 02/08/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật giáo dục.

3 - Quyết định số 1636/QĐ - BYT ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học.

4 - Chỉ thị 06 - CT/T- của ban bí thư Trung ương Đảng ngày 22/01/2002 về việc củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở.

5- Thông tư 30 của Bộ giáo dục & Đào tạo ban hành tháng 07 năm 2003 chuyển đổi Thạc sĩ.

6 - Biên bản thông qua chương trình đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Mắt của hội đồng khoa học trường Đại học Y Hải Phòng do Chủ tịch Hội đồng ký ngày tháng năm

II - Giới thiệu ngành nghề đào tạo

1. Bậc học: Sau đại học.
2. Chuyên ngành đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa Mắt.
3. Chức danh sau khi tốt nghiệp: Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
4. Mã số đào tạo: 62.72.56.CK
5. Thời gian đào tạo: 2 năm.
6. Hình thức đào tạo: Tập trung.
7. Đối tượng tuyển sinh: là bác sĩ chuyên khoa Mắt với các tiêu chuẩn sau:
 - Bác sĩ chuyên khoa Mắt đã làm việc tại các cơ sở Nhãn khoa ít nhất 12 tháng
 - Có chứng chỉ Bác sĩ chuyên khoa định hướng Mắt (06 tháng). Do Bộ môn mắt ĐHY Hà Nội hoặc ĐHY Hải Phòng ký.
8. Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
9. Bậc học có thể tiếp tục: Chuyên khoa cấp II, chuyển đổi thạc sĩ.

III - Nhiệm vụ:

Chuyên khoa cấp I là loại hình đào tạo Sau đại học đặc thù của ngành Y tế nhằm mục đích đào tạo các chuyên gia Y tế, có khả năng thực hành trong một chuyên ngành.

1. Chuyên môn:

Có chuyên môn về thực hành tại các Bệnh viện tỉnh (làm chức năng chẩn đoán, điều trị Nội khoa, Phẫu thuật)

- Có khả năng chẩn đoán những bệnh mắt thông thường gặp.
- Có khả năng điều trị những bệnh mắt thông thường.
- Có khả năng điều trị ngoại khoa những bệnh mắt thông thường.

2. Đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Có trình độ và kiến thức đào tạo và giảng dạy chuyên khoa định hướng.
- Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học độc lập và ứng dụng những thành tựu mới của ngành nhãn khoa trong nước và thế giới.

IV - Mục tiêu đào tạo

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo Bác sỹ chuyên khoa cấp I chuyên ngành Mắt có kiến thức, thái độ, kỹ năng trong việc khám, chẩn đoán và điều trị, giải quyết các vấn đề về chuyên ngành Mắt diện rộng, bổ sung một số kiến thức khoa học cơ bản và y d- ọc học cơ sở liên quan đến Mắt đã học trong đại học để có thể tự học v- ơn lên trở thành các chuyên gia y tế thực hành chuyên khoa Mắt .

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Kiến thức:

- + Trình bày đ- ọc những kiến thức cơ bản về sinh bệnh học, dịch tễ học, nguyên nhân của các bệnh th- ờng gặp trong chuyên ngành Mắt .
- + Mô tả triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh Mắt th- ờng gặp.
- + Chẩn đoán đ- ọc các bệnh thông th- ờng trong chuyên ngành Mắt.
- + Trình bày đ- ọc về những kiến thức và kỹ thuật hiện đại về phòng ngừa và điều trị, về bệnh học và phẫu thuật mắt.

2.2. Thái độ:

- + Có thái độ thật khẩn tr- ơng, nhanh chóng trong một số cấp cứu mắt nh- : cấp cứu bong, chấn th- ơng vỡ nhãn cầu, cấp cứu tắc động, tĩnh mạch trung tâm võng mạc, cấp cứu cơn glôcôm góc đóng cấp....
- + Chú ý trong công tác tuyên truyền, có ý thức trong mọi thao tác nhằm phòng tránh lây lan trong cộng đồng các bệnh mắt có khả năng lây lan nh- viêm kết mạc và trong các thủ thuật, phẫu thuật mắt.
- + Chú ý phát hiện sớm các tật khúc xạ, lác cơ năng, glôcôm trong cộng đồng vì đây là những bệnh đang có xu h- ớng gia tăng và đe dọa chức năng của mắt.
- + Chú trọng công tác theo dõi lâu dài cho những bệnh nhân glôcôm, phát hiện sớm bệnh glôcôm ở những ng- ời ruột thịt của những bệnh nhân glôcôm để đề phòng những tổn hại chức năng thị giác không hồi phục của loại bệnh này.

2.3. Kỹ năng:

- + Chẩn đoán được các bệnh thông thường trong chuyên ngành Mắt.
- + Xử trí thành thạo các bệnh mắt thông thường.
- + Xử trí thành thạo một số cấp cứu mắt thường gặp.
- + Trả vấn các vấn đề liên quan đến bệnh, tật về mắt tại cộng đồng.
- + Làm thành thạo một số thủ thuật, phẫu thuật mắt.
- + Huy động được các nguồn lực để làm tốt công tác phòng bệnh và chăm sóc mắt tại cộng đồng.
- + Có khả năng tự đào tạo, nghiên cứu nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn.

V- Thi tuyển và thi tốt nghiệp

1. Thi tuyển:

1.1. Tiêu chuẩn dự tuyển: Theo quy định của Bộ y tế về đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp I.

1.2 Môn thi tuyển: 2 môn

1.2.1. Môn chuyên ngành:

- Đề thi môn chuyên ngành Mắt bao gồm: Triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường về mắt.
- Hình thức thi: Thi viết.

1.2.2. Môn cơ sở:

- Môn giải phẫu.
- Hình thức thi viết.

2. Thi tốt nghiệp:

2.1 Điều kiện dự thi tốt nghiệp

- Học viên có đủ tiêu chuẩn: Thi đủ các môn chung, cơ sở và hỗ trợ, thi đủ các học phần chuyên ngành được tham dự kỳ thi tốt nghiệp chuyên khoa cấp I chuyên ngành Mắt.

2.2. Môn thi tốt nghiệp: Mắt

- Lý thuyết: thi viết.
- Thực hành: trình bày một bệnh án về một bệnh cụ thể và làm được một vài thủ thuật điều trị.

Vi. Bảng phân bố chi tiết môn học/ học phần theo học kỳ

STT	Tên chứng chỉ	ĐVHT LT+ TH	Tiết	Học kỳ			
				I	II	III	IV
1	A. Các môn chung:						
	1. Triết học	6	90	*			
	2. Ngoại ngữ chuyên ngành	10	150	*			
	3. Toán tin ứng dụng	4	60	*			
2	B. Các môn cơ sở và hỗ trợ:						
	1. Giải phẫu đầu mặt cổ	3	48		*		
	2. Tai mũi họng	4	60		*		
	3. Răng hàm mặt	3	45		*		
3	C. Môn chuyên ngành:						
	1. Bệnh phần tr- ớc nhãn cầu	18	270			*	
	2. Bệnh phần sau nhãn cầu, bệnh glôcôm	19	285			*	
	3. Chấn th- ơng mắt, bỏng mắt, bệnh học hốc mắt	12	180			*	*
	4. Bệnh mắt trẻ em, tật khúc xạ, rối loạn vận nhãn, bệnh mắt trong cộng đồng	12	180				
	Cộng	91	1368				
	Ôn và thi tốt nghiệp	10	150				

	Tổng cộng	101	1518				
--	------------------	------------	-------------	--	--	--	--

VII - Quỹ Thời gian

STT	Khối l- ợng học tập	Đơn vị học trình	Số tiết	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Các môn chung	20	255	45
2	Các môn hỗ trợ	10	53	100
3	Các môn chuyên ngành	61	306	609
4	Ôn và thi tốt nghiệp	10	60	90
	Cộng	101	674	844

VIII- phân bố quỹ thời gian của khoá học (tính theo tuần)

Học kỳ	Học tập	Thi	Tết/hè	Hoạt động khác	Dự trữ	Tổng
I	18	2	3	1	1	25
II	18	2	3	1	1	25
III	19	2	3	1	1	26
IV	16	4	3	1	1	25
Tổng	70	10	12	4	4	101

IX. Chương trình tổng quát đào tạo
(Theo đơn vị học trình - tiết học)

1. Các môn học chung

STT	Tên môn học	Tổng số ĐVHT tiết học	Phân bố ĐVHT/ tiết học	
			LT	TH
1	Triết học	6/90	75	15
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	10/150	150	0
3	Tin học	4/60	30	30

2. Các môn cơ sở và hỗ trợ:

STT	Tên môn học	Tổng số ĐVHT tiết học	Phân bố ĐVHT/ tiết học	
			LT	TH
1	Giải phẫu đầu mặt cổ	3/45	15	30
2	Tai - mũi – họng	4/60	30	30
3	Răng – hàm - mặt	3/45	15	30

3. Các môn chuyên ngành:

STT	Tên môn học	Tổng số ĐVHT tiết học	Phân bố ĐVHT/ tiết học	
			LT	TH
1	1. Bệnh phần tr- ớc nhãn cầu	18/270	6/90	12/180
2	2. Bệnh phần sau nhãn cầu, bệnh glôcôm	19/285	6/96	13/189
3	3. Chấn th- ơng mắt, bỏng mắt, bệnh học hốc mắt	12/180	4/60	8/120

4	4. Bệnh mắt trẻ em, tật khúc xạ, rối loạn vận nhãn, bệnh mắt trong cộng đồng	12/180	4/60	8/120
Cộng		61/915	20/306	41/609

Ch- ơng trình chi tiết đào tạo
bác sỹ chuyên khoa cấp I
chuyên ngành mắt

A. Các môn học chung

1. Số ĐVHT: 6 ĐVHT

2. Số tiết học: 90 tiết

3. Số lần kiểm tra: 1

4. Chứng chỉ : 1

5. Mục tiêu môn học: Sau khi kết thúc khoá học học viên có khả năng:

5.1. Trình bày được những nội dung cơ bản của triết học.

5.2. Vận dụng có hiệu quả vào chuyên ngành của mình.

6. Nội dung:

STT	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận (tiết)	Tổng số (tiết)
1	Chương 1: Khái luận về triết học <i>Phần 1:</i> Triết học là gì ? <i>Phần 2 :</i> Triết học phương Đông và Triết học phương Tây	16	4	20
2	Chương 2 : Triết học Mác – Lênin <i>Phần 1 :</i> Sự ra đời của Triết học Mác – Lênin <i>Phần 2 :</i> Chủ nghĩa duy vật biện chứng <i>Phần 3 :</i> Phép biện chứng duy vật <i>Phần 4 :</i> Chủ nghĩa duy vật lịch sử <i>Phần 5 :</i> Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay	30	15	45
3	Chương 3 : Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học <i>Phần 1 :</i> Mối quan hệ giữa khoa học và Triết	7	3	10

	học Phần 2 : Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học			
4	Chương 4 : Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội <i>Phần 1 : Ý thức khoa học</i> <i>Phần 2 : Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</i> <i>Phần 3 : Khoa học công nghệ ở Việt nam</i>	10	5	15
5	Tổng	63 tiết	27 tiết	90 tiết

7. Phương pháp dạy học:

1. Thuyết trình
2. Thảo luận nhóm
3. Tự nghiên cứu

8. Phương pháp đánh giá:

1. Kiểm tra theo đơn vị học trình
2. Tiểu luận: 02 tiểu luận (Lịch sử triết học và các nguyên lý Mác-Lênin).
3. Thi chứng chỉ: Viết cải tiến.

9. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn triết học Mác - Lê nin tr- ờng Đại học Y Hải Phòng

10. Cán bộ giảng dạy:

1. Ths. Đào Nguyên Hùng - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.
2. Ths-Gvc. Hoàng Minh H- ờng - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.
3. Ths-Gvc. Nguyễn Tiến Tr- ờng - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.

4. TS-Gvc. Nguyễn Văn Hạ - Giám đốc tr- ờng Chính trị Tô Hiệu HP.

11. Tài liệu giảng dạy:

- Triết học dành cho cao học và nghiên cứu sinh nhà xuất bản chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 1993 tập I, II , III.
- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và X.
- Triết học Mác Lênin – Hội đồng lý luận TW –NXB chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Tên môn học: Ngoại ngữ

1. Mã số: CK

2. Tên học phần: Ngoại ngữ

3. Số học trình: 10

4. Số tiết học: 150

5. Số lần kiểm tra: 02

Số chứng chỉ: 01

(01 bài kiểm tra điều kiện giữa kỳ, 01 bài kiểm tra cuối kỳ)

6. Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa

7. Cán bộ tham gia giảng dạy:

+ GV Ths. Trần Thị Hòa

+ GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh

+ GV Ths. Đồng Quỳnh Trang

+ GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn

8. Mục tiêu học phần

- Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng của trình độ tương đương B1 theo Khung Châu Âu chung.
- Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
- Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

9. Mô tả học phần:

Học phần được chia làm 2 giai đoạn:

_ Giai đoạn 1 (tương ứng với 05 đơn vị học trình, tức 75 tiết): Sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với trình độ tương đương B1

theo khung Châu Âu. Sinh viên học từ vựng, ngữ pháp, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo định hướng của các bài thi lấy chứng chỉ B1.

_ Giai đoạn 2 (tương ứng với 05 đơn vị học trình, tức 75 tiết): Sinh viên được cung cấp từ vựng chuyên ngành và ngữ pháp thường gặp trong văn phong khoa học và các tài liệu chuyên ngành y.

10.Nội dung chi tiết:

10.1. Giai đoạn 1 (05 đơn vị học trình – 75 tiết)

STT	Tên bài	Số tiết
1	Unit1. Present tenses + Speaking	4
2	Unit 2. Past tenses + Speaking	4
3	Unit 4. Present perfect simple, present perfect continuous	4
4	Unit 5. Past perfect simple, past perfect continuous	4
5	Unit 7. Future time + Speaking	4
6	Unit 8. Preposition of time and place + Speaking	4
7	Unit 10. The passive 1	4
8	Unit 11. The passive 2	4
9	Revision	4

10	Vocabulary: Parts of the body + Body movement	4
11	Vocabulary: The senses + Feeling ill	4
12	Vocabulary: Injuries + At the doctor's	4
13	Vocabulary: In hospital + Reading: Stress	4
14	Reading: Drug abuse + Heart disease	4
15	Reading: Nutrition + Pregnancy	4
16	Group Presentation 1	4
17	Group Presentation 2	4
18	Group Presentation 3	4
19	Revision	3

10.2. Giai đoạn 2 (05 đơn vị học trình – 75 tiết):

STT	Tên bài	Số tiết
1	Unit 1. Shapes and Properties	4
2	Unit 2. Location	8
3	Unit 3. Structure	4
4	Unit 4. Revision A	4
5	Unit 5. Measurement	4
6	Unit 6. Function	8
7	Unit 7. Actions in sequence	4
8	Unit 8. Revision B + Midterm Test	4
9	Unit 9. Quantity	4
10	Unit 10. Cause and Effect	8
11	Unit 11. Proportion	4
12	Unit 12. Revision C	4
13	Unit 13. Frequency and Probability	8
14	Unit 14. Method	4

STT	Tên bài	Số tiết
15	Unit 15. Consolidation	3

75

11. Phương pháp dạy học:

- _ Thuyết trình, phát vấn
- _ Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

12. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- _ Phần, bảng hoặc projector (power point),
- _ Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

13. Lượng giá:

13.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

13.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp
- 01 bài kiểm tra giữa kỳ. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.
- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi đánh giá cuối kỳ.

13.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- _ 01 bài thi Nói hết học phần.
- _ 01 bài thi Viết hết học phần.

- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 120 phút
- _ Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Nói sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

14. Tài liệu học tập:

Giai đoạn 1: Tài liệu luyện thi B1 Châu Âu: Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.

Giai đoạn 2: Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health)

15. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Tên môn học: Tin học

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: TTUD-CKI

Số đơn vị học trình: 04 Lý thuyết: 02 Thực hành: 02

Số tiết: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Đối tượng: **Chuyên khoa cấp I các chuyên ngành**

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung
- ThS. Đào Thu Hằng

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng Bác sĩ chuyên khoa cấp I (CK I) gồm 4 đơn vị học trình (2 ĐVHT lý thuyết và 2 ĐVHT thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.

Ước lượng trung bình, phương sai, *OR*, *RR*, hệ số tương quan tuyến tính,...

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai hoặc nhiều kỳ vọng, *ANOVA* một nhân tố, *ANOVA* hai nhân tố,

So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp *Chi Square*,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn *Kolmogorov*, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến.

Tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số *K*, *F*, *P* hệ số *Sperman*, Hệ số *Pearson*,...

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu, công thức tính cỡ mẫu, tính cỡ mẫu trên máy tính	2	2
2	Xây dựng cấu trúc dữ liệu, sai số thô, nhiễu và các kỹ thuật làm sạch số liệu.	2	2
3	Nhập dữ liệu, các thao tác trên dữ liệu: Bổ xung, xóa, sắp xếp, tìm kiếm, mã hóa	2	2
4	Các tham số quần thể, tham số mẫu, tính các tham số đặc trưng mẫu. Ý nghĩa các tham số đặc trưng	2	2

5	Các bài toán ước lượng: Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> .	2	2
6	Kiểm định giả thiết thông kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai.	2	2
7	Thống kê phi tham số: So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính.	3	3
8	Một số kiểm định phi tham số khác: Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, kiểm định đoạn mạch.	3	3
9	Tương quan tuyến tính đơn biến, hệ số tương quan tuyến tính, kiểm định mức độ tương quan. Đường hồi quy.	3	3
10	Tương quan đa biến. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan <i>Q</i> , hệ số tương quan <i>F</i> .	3	3
12	Liên quan giữa các đại lượng có thứ bậc, hệ số tương quan hạng <i>Sperman</i> , hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập.	3	3

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Lý thuyết: Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp. Học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Sử dụng máy tính và phần mềm SPSS để xử lý số liệu.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

Tài liệu học tập:

Bài giảng môn Toán tin ứng dụng, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2014.

Tài liệu tham khảo:

1. *Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học)*, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.
2. Lê Cự Linh, *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, 2009.
3. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.
4. Phạm Việt Cường, *Thống kê y tế công cộng (Phần phân tích số liệu)*, NXB Y học, 2009.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

Giảng đường, bảng, phấn, máy tính của học viên, máy chiếu.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành: 1 bài vấn đáp (hệ số 1).

Thi hết học phần: 1 bài vấn đáp (hệ số 2).

B - Các môn hỗ trợ

Tên môn học: Giải phẫu đầu mặt cổ

1. Số đơn vị học trình: 3 LT: 1 TH: 2
2. Số tiết học: 45 LT: 15 TH: 30
3. Số lần kiểm tra: 1
4. Số chứng chỉ: 1
5. Mục tiêu học tập: Sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải phẫu đầu mặt cổ.
6. Nội dung:

TT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Khối x-ơng và khớp đầu mặt	1	2
2	Cơ đầu mặt	1	2
3	Các xoang x-ơng thông với mũi	1	2
4	Động mạch cảnh: gốc, trong, ngoài	2	4
5	Các tĩnh mạch ở đầu mặt cổ, xoang tĩnh mạch sọ	2	4
6	12 đôi dây thần kinh sọ	4	4
7	Thần kinh thực vật vùng đầu mặt	2	2
8	Giải phẫu ổ mắt - Nhãn cầu – Mi mắt – Bộ lệ	3	6
9	Mạch và thần kinh của mắt	1	2
10	Định khu ổ mắt	1	2
	Cộng	18	30

7. Phương pháp dạy học

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.

8. Phương pháp đánh giá:

- Trắc nghiệm.

9. Chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Giải phẫu Trường Đại học Y Hải Phòng.

10. Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. Ts. Nguyễn Hữu Chính - Bộ môn GP ĐHYHP.

11. Tài liệu giảng dạy:

- Nguyễn Quang Quyền - Bài giảng GP học, Tập 1 - NXB Y học chi nhánh TP HCM 1999.

- Nguyễn Quang Quyền - Bài giảng GP học, Tập 2 - NXB Y học chi nhánh TP HCM 1999.

- Nguyễn Hữu Chính - Bài giảng hệ Thần kinh trung ương - NXB Y học Hà Nội 2003.

Tên môn học: Tai - Mũi- Họng

1. Số đơn vị học trình: 4

LT: 1

TH: 3

2. Số tiết học: 60

LT: 20

TH: 40

3. Số lần kiểm tra: 1

4. Số chứng chỉ: 1

5. Mục tiêu học tập: Sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng

5.1. Trình bày đ- ọc những kiến thức cơ bản về một số bệnh TMH.

5.2. Chẩn đoán, xử trí đ- ọc một số bệnh th- ờng gặp ở TMH.

5.3. Chẩn đoán, xử trí cấp cứu thông th- ờng TMH.

6. Nội dung:

TT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Nhắc lại giải phẫu - sinh lý Tai-Mũi-Họng	2	4
2	Dị vật đ- ờng ăn - dị vật đ- ờng thở	2	4
3	Viêm tai x- ơng chũm	2	4
4	Biến chứng của VTXC	2	4
5	Họng và những vấn đề về họng	1	2
6	Chảy máu mũi	1	2
7	Chấn th- ơng x- ơng đá	1	2
8	áp xe họng	1	2
9	Viêm mũi - xoang	2	4
10	Khó thở trong TMH	1	2
11	K vòm họng	2	4
12	K thanh quản	1	2
13	Chấn th- ơng mũi xoang	1	2
14	K sàng hàm	1	2
	Cộng	20	40

7. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

8. Phương pháp đánh giá:

- Trắc nghiệm.
- Vấn đáp.

9. Chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Tai - Mũi - Họng Trường Đại Học Y Hải Phòng.

10. Cán bộ giảng dạy:

1. PGS.Ts. Vũ Văn Sản - Bộ môn Tai - Mũi - Họng - ĐHYHP.
2. BSCKII. Ngô Đức Xuân – Trưởng khoa Tai - Mũi - Họng – BV

Nhi HP

11. Tài liệu giảng dạy:

Giáo trình giảng dạy do Bộ môn Tai - Mũi - Họng ĐHYHP biên soạn.

CH- TRÌNH TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SỸ
CHUYÊN KHOA CẤP I CHUYÊN NGÀNH MẮT

TÊN MÔN HỌC 1: BỆNH PHẦN TR- ỚC NHÃN CẦU

1. Số đơn vị học trình: 19

LT: 6

TH: 13

2. Số tiết học: 285

3. Số chứng chỉ: 01

4. Mục tiêu học tập: sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng:

4.1. Trình bày đ- ọc những kiến thức chuyên sâu về tình trạng bệnh lý của bán phần tr- ớc mắt và các bộ phận phụ cận

4.2. Chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị đ- ọc các bệnh của bán phần tr- ớc mắt và các bộ phận phụ cận

4.3. Thực hiện thành thạo các thủ thuật, các phẫu thuật mòng, quặm và kẹp thời xử lý các tai biến có thể xảy ra khi thực hiện ca phẫu thuật

5. Nội dung:

STT	Tên bài giảng - Chuyên đề	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1.	Bệnh mi mắt . Các viêm mi mắt . Các khối u mi . Quặm mi, khuyết mi . Rối loạn vận động mi	03 03 03 03	06 06 06 06
2.	Bệnh học lệ bộ: . Chảy n- ớc mắt . Khô mắt . Viêm tắc lệ đạo	03 03 03	06 06 06

STT	Tên bài giảng - Chuyên đề	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
	. U tuyến lệ	03	06
3.	Bệnh kết mạc . Viêm kết mạc do vi khuẩn, vi rút . Viêm kết mạc dị ứng . Các u kết mạc, mộng thịt . Bệnh mắt hột	03 03 03 06	06 06 06 12
4.	Bệnh giác mạc . Viêm loét GM do vi khuẩn . Viêm loét GM do nấm, acanthamoeba . Viêm GM do lao, giang mai . Bệnh GM do vi rút . Thoái hoá và loạn d- ỡng GM	06 06 03 03 06	12 09 06 06 12
5.	Bệnh củng mạc . Viêm th- ợng củng mạc . Viêm củng mạc	03 03	06 06
6.	Bệnh thể thuỷ tinh: . Đục thể thuỷ tinh tuổi già . Đục thể thuỷ tinh bệnh lý . Điều trị đục thể thuỷ tinh . Các ph- ơng pháp điều chỉnh khúc xạ sau phẫu thuật thể thuỷ tinh	06 06 06 06	12 12 12 12
	Tổng số	96	189

6. Ph- ơng pháp giảng dạy:

- Thuyết trình, Powerpoint
- Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng

7. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn mắt Tr- ờng Đại học Y Hải phòng

8. Cán bộ giảng dạy:

1. PGS- TS. Hoàng Minh Châu, Phó Giám đốc Viện Mắt Trung Ương HN.
2. TS. Khúc Thị Nhựn – Bộ môn Mắt - ĐHYHP
3. ThS. Nguyễn Văn Đ- ợc - Bộ môn Mắt - ĐHYHP

9. Ph- ơng pháp đánh giá:

- Lý thuyết: Thi viết cải tiến, trắc nghiệm
- Thực hành: Chỉ tiêu trên thực hành lâm sàng, bảng kiểm

10. Tài liệu dạy học

1. Bài giảng mắt - TMH – RHM: Bộ môn Mắt Đại học Y Hà Nội.
2. Bài giảng nhãn khoa bán phần trước nhãn cầu. NXB Y học 2005.
3. Bệnh đục thể thủy tinh. NXB Y học 1996
4. Giác mạc: Giải phẫu-Sinh lý-Miễn dịch-Phẫu thuật. Phan Dẫn. NXB Y học 2001.
5. Giải phẫu Mắt ứng dụng trong lâm sàng và sinh lý thị giác. Nguyễn Xuân Nguyên. NXB Y học 1993.
6. Nhãn khoa giản yếu tập I, II. NXB Y học
7. Phẫu thuật Phaco nhập môn. Nguyễn Hữu Quốc Nguyên. NXB Y học 2004.
8. Thực hành nhãn khoa. NXB Y học 2002.
9. Ophthalmologie: a pocket textbook atlas. Gerhard KL. NewYork 2000.
10. Prise en charge de la cataracte par les services de soins de santé primaires. Organisation Mondiale de la Santé. 2nd edition. Genève 1997.
11. Textbook of Ophthalmology. Kenneth WR. 1er Edition. London 1997

TÊN MÔN HỌC 2: BỆNH PHẦN SAU NHÃN CẦU, BỆNH GLÔCÔM

1. Số đơn vị học trình: 19

LT: 6

TH: 13

2. Số tiết học: 270

3. Số chứng chỉ: 01

4. Mục tiêu học tập: sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng:

4.1. Trình bày đ-ợc những kiến thức chuyên sâu về tình trạng bệnh lý của bán phần sau nhãn cầu, bệnh glôcôm

4.2. Chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị đ-ợc các bệnh của bán phần sau mắt, xử lý cấp cứu glôcôm và tắc động tĩnh mạch trung tâm võng mạc.

4.3. Thực hiện thành thạo các thủ thuật, phụ mổ glôcôm và kịp thời xử lý các tai biến có thể xảy ra khi thực hiện ca phẫu thuật.

STT	Nội dung	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1.	Bệnh màng bồ đào . Viêm màng bồ đào do vi khuẩn, vi rút, nấm, KST . Hội chứng MBD- Màng não . Khối u màng bồ đào	09 06 03	18 12 06
2.	Bệnh võng mạc: . Bong võng mạc (nguyên nhân, khám, chẩn đoán và điều trị) . Rối loạn tuần hoàn võng mạc . Tổn hại võng mạc trong bệnh toàn thân (cao huyết áp, đái đ-ờng...) . Khối u võng mạc	06 06 06 03	12 12 12 06
3.	Bệnh dịch kính . Xuất huyết dịch kính . Bong dịch kính	03 03	06 06

STT	Nội dung	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
	. Viêm, thoái hoá dịch kính	03	06
4.	Bệnh thị thần kinh . Viêm thị thần kinh . Phù gai và teo thị thần kinh . Bán manh và các hội chứng (chẩn đoán, đánh giá và điều trị)	06 06 03	12 12 06
5.	Bệnh glôcôm: . Sinh lý học, các khám nghiệm glôcôm (soi góc, đo độ sâu tiền phòng, NA, TT,...) . Glôcôm góc đóng . Glôcôm góc mở . Điều trị glôcôm bằng thuốc, laser, phẫu thuật . Các hình thái glôcôm đặc biệt (do viêm, tân mạch, thể thuỷ tinh...) . Phát hiện và theo dõi glôcôm	09 03 03 06 06 03	18 06 06 12 12 06
6.	Biểu hiện mắt trong một số bệnh toàn thân	06	09
	Tổng số	96	189

6. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình, Powerpoint
- Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng

7. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn mắt Trường Đại học Y Hải Phòng

8. Cán bộ giảng dạy:

1. PGS- TS. Hoàng Thị Phúc, Phó trưởng Bộ môn mắt Trường ĐHY Hà Nội.
2. TS. Khúc Thị Nhụ - Bộ môn Mắt - ĐHYHP

3. ThS. Nguyễn Văn Đ- ợc - Bộ môn Mắt - ĐHYHP

9. Ph- ơng pháp đánh giá:

- Lý thuyết: Thi viết cải tiến, trắc nghiệm
- Thực hành: Chỉ tiêu trên thực hành lâm sàng, bảng kiểm

10. Tài liệu dạy học

1. Bài giảng mắt - TMH – RHM: Bộ môn Mắt Đại học Y Hà Nội.
2. Biểu hiện ở mắt của các bệnh toàn thân. Phan Dẫn. NXB Y học 1999.
3. Giải phẫu Mắt ứng dụng trong lâm sàng và sinh lý thị giác. Nguyễn Xuân Nguyên. NXB Y học 1993.
4. Lade ứng dụng trong nhãn khoa. Phan Dẫn. tái bản lần 1 có sửa chữa và bổ sung. NXB Y học 2003.
5. Nhãn khoa giản yếu tập I, II. NXB Y học
6. Thực hành nhãn khoa. NXB Y học 2002.
7. Võng mạc và dịch kính. Tài liệu dịch. NXB Y học
8. Ophthalmologie: a pocket textbook atlas. Gerhard KL. NewYork 2000.
9. Textbook of Glaucoma. Shields, Bruce M. London1992
10. Textbook of Ophthalmology. Kenneth WR. 1er Edition. London 1997

**TÊN MÔN HỌC 3: CHẤN TH- ƠNG MẮT, BỎNG MẮT,
BỆNH HỌC HỐC MẮT**

1. Số đơn vị học trình: 13

LT: 5

TH: 8

2. Số tiết học: 185

3. Số chứng chỉ: 01

4. Mục tiêu học tập: sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng:

4.1. Trình bày đ- ọc những kiến thức chuyên sâu về chấn th- ơng mắt và bỏng mắt

4.2. Chẩn đoán và điều trị đ- ọc các chấn th- ơng mắt, xử lý cấp cứu đ- ọc các chấn th- ơng mắt, bỏng mắt và biết chuyển tuyến trên kịp thời những chấn th- ơng mắt, bỏng mắt phức tạp.

4.3. Thực hiện thành thạo các thủ thuật, phẫu thuật phục hồi đ- ọc các vết th- ơng đơn giản và kịp thời xử lý các tai biến có thể xảy ra khi thực hiện ca phẫu thuật.

STT	Nội dung	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1.	Chấn th- ơng hốc mắt	06	12
	Chấn th- ơng mi, kết mạc	03	06
	Chấn th- ơng lệ bộ	03	06
2.	Đụng dập nhãn cầu	09	18
3.	Vết th- ơng xuyên nhãn cầu	15	27
	. Có dị vật		
	. Không có dị vật		
4.	Bỏng mắt	06	06

5.	Nhiễm trùng sau chấn thương mắt . Viêm màng bồ đào, viêm nội nhãn . Nhãn viêm đồng cảm Tạo hình mi mắt	15 03	27 06
6.	Viêm tổ chức hốc mắt, u hốc mắt	09	18
	Tổng số	69	126

6. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình, Powerpoint
- Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng

7. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn mắt Trường Đại học Y Hà Nội, Hải phòng

8. Cán bộ giảng dạy:

1. PGS- TS. Đỗ Nh- Hôn, Giám đốc Bệnh Viện Mắt Trung Ương Hà Nội
2. TS. Khúc Thị Nhựn- Bộ môn Mắt - ĐHYHP
3. TS. Nguyễn Xuân Hiệp-Phó giám đốc bệnh viện Mắt Trung ương
4. ThS. Nguyễn Văn Đ- ợc - Bộ môn Mắt - ĐHYHP

9. Phương pháp đánh giá:

- Lý thuyết: Thi viết cải tiến, trắc nghiệm
- Thực hành: Chỉ tiêu trên thực hành lâm sàng, bảng kiểm

10. Tài liệu dạy học

1. Bài giảng mắt - TMH – RHM: Bộ môn Mắt Đại học Y Hà Nội.
2. Bỏng và chấn thương mắt-Hướng dẫn thực hành. Phan Dẫn. NXB Y học 2004.
3. Giải phẫu Mắt ứng dụng trong lâm sàng và sinh lý thị giác. Nguyễn Xuân Nguyên. NXB Y học 1993.
4. Hốc mắt, mi mắt và hệ thống lệ. tài liệu dịch. NXB Y học.

5. Nhãn khoa giản yếu tập I, II. NXB Y học
6. Thực hành nhãn khoa. NXB Y học 2002.
7. Ophthalmologie: a pocket textbook atlas. Gerhard KL. NewYork 2000.
8. Syndromes en Ophtalmologie. Maurice P.Ravault. NXB Y học 2000.
9. Textbook of Ophthalmology. Kenneth WR. 1er Edition. London 1997.

**TÊN MÔN HỌC 4: BỆNH MẮT TRẺ EM, TẬT KHÚC XẠ, RỐI LOẠN
VẬN NHÃN, BỆNH MẮT TRONG CỘNG ĐỒNG**

1. Số đơn vị học trình: 13

LT: 5

TH: 8

2. Số tiết học: 195

3. Số chứng chỉ: 01

4. Mục tiêu học tập: sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng:

4.1. Trình bày đ-ợc những kiến thức chuyên sâu về phôi thai học của mắt, các hội chứng bẩm sinh, các bệnh mắt trẻ em, lác và các tật khúc xạ.

4.2. Chẩn đoán và điều trị đ-ợc các hội chứng bẩm sinh, các bệnh mắt trẻ em, lác, các tật khúc xạ và biết chuyển tuyến trên kịp thời những tr-ờng hợp phức tạp.

4.3. Làm thành thạo các thủ thuật thử thị lực, kính, soi bóng đồng tử, đo khúc xạ và cấp đơn kính hợp lý.

STT	Nội dung	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1.	Bệnh mắt trẻ em:		
	. Phôi thai học mắt, sự phát triển của nhãn cầu	03	06
	. Giải phẫu sinh lý mắt	03	06
	. Các hội chứng bẩm sinh, di truyền, bệnh mắt do rối loạn chuyển hoá	06	06
	. Bệnh võng mạc trẻ đẻ non, đục TTT bẩm sinh & các hội chứng phối hợp	06	12
	. Bệnh glôcôm bẩm sinh & các hội chứng phối hợp	03	06
	. K võng mạc	03	06

	. Khô mắt do thiếu vitamin A	03	06
	. Một số bệnh nhiễm trùng mắt ở trẻ em (loét giác mạc, viêm màng bồ đào, viêm nội nhãn)	03	06
2.	Bệnh lác và nh- ọc thị		
	. Lác cơ năng	06	06
	. Lác liệt	06	06
	. Các hình thái lác đặc biệt	03	06
	. Rung giật nhãn cầu	03	06
	. Nh- ọc thị và điều trị	03	06
3.	Quang học và tật khúc xạ		
	. Quang hệ của mắt, tật cận thị và điều chỉnh	06	09
	. Viễn thị , loạn thị và điều chỉnh	03	06
	. Một số vấn đề cập nhật về PT khúc xạ	03	06
	. Kính tiếp xúc	03	06
	. Đại c- ơng về khiếm thị và trợ thị	03	06
	Tổng số	72	123

6. Ph- ơng pháp giảng dạy:

- Thuyết trình, Powerpoint
- Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng

7. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn mắt Tr- ờng Đại học Y Hải phòng

8. Cán bộ giảng dạy:

1. PGS- TS. Hoàng Thị Phúc, Phó tr- ờng Bộ môn Mắt Tr- ờng ĐHY Hà Nội.
2. TS. Khúc Thị Nhựn - Bộ môn Mắt - ĐHYHP
3. BS CKII Trần Mạnh Đô, Giám đốc Bệnh viện Mắt Hải Phòng.

4. ThS. Nguyễn Văn Đ- ợc - Bộ môn Mắt - ĐHYHP

9. Ph- ơng pháp đánh giá:

- Lý thuyết: Thi viết cải tiến, trắc nghiệm
- Thực hành: Chỉ tiêu trên thực hành lâm sàng, bảng kiểm

10. Tài liệu dạy học:

1. Bài giảng mắt - TMH – RHM: Bộ môn Mắt Đại học Y Hà Nội.
2. Bệnh mắt bẩm sinh và di truyền. Phan Dẫn. NXB Y học 2004.
3. Giải phẫu Mắt ứng dụng trong lâm sàng và sinh lý thị giác. Nguyễn Xuân Nguyên. NXB Y học 1993.
4. Mắt: những điều cần biết về mắt và tật khúc xạ. Nguyễn Hữu Quốc Nguyên. NXB Đà Nẵng 2004. Phẫu thuật tạo hình mi mắt. Phan Dẫn. NXB Y học 1998.
5. Nhãn khoa giản yếu tập I, II. NXB Y học
6. Thực hành nhãn khoa. NXB Y học 2002.
7. Ophthalmologie: a pocket textbook atlas. Gerhard KL. NewYork 2000.
8. Syndromes en Ophtalmologie. Maurice P.Ravault. NXB Y học 2000.
9. Textbook of Ophthalmology. Kenneth WR. 1er Edition. London 1997.

CHỈ TIÊU THỰC HÀNH MÔN CHUYÊN NGÀNH

1- Bệnh phần tr- ớc nhãn cầu.

S T T	Nội dung tay nghề thực hành	Số lần thực hiện	Làm đ- ợc	Phụ mổ	Kiến tập
1.	B- m rữa lÖ® o	6	4		2
2.	Thăng lÖ® o	6	4		2
3.	Röa m¾	6	4		2
4.	Bắc gi¶ m¹ c	4	2		2
5.	Lấy s¹ n vãi	6	4		2
6.	Chích ch³p	6	4		2
7.	Chích LÑb	6	4		2
8.	Sinh thiÖ U mi	4	2		2
9.	Sơ căng suốt gi, c m¹ c	6	4		2
10.	Sơ siªu âm A	6	4		2
11.	Mắ c¾ bá tới lÖ	4	0	2	2
12.	Mắ méng v, kÖ m¹ c tù thân	4	2		2
13.	Mắ quđm	6	2		2
14.	Móc nẻi nhỏn	4	0	2	2
15.	KhoĐ bá nhỏn c¶u	4	0	2	2
16.	Mắ Phaco	4	0	2	2

2- Bệnh phần sau nhãn cầu.

S T T	Nội dung tay nghề thực hành	Số lần thực hiện	Làm đ- ợc	Phụ mổ	Kiến tập
17.	Thở th _H ức	6	4		2
18.	So nh _h ấn , p	6	4		2
19.	Soi _g y M _h	6	4		2
20.	Ti ^a m d- í i k _h m ¹ c	4	2		2
21.	Ti ^a m c ¹ nh nh _h ỏn c _h	4	2		2
22.	Sắc k _h qu _h th _h tr- êng	4	2		2
23.	Sắc k _h qu _h OCT	4	2		2
24.	Sắc k _h qu _h Scanner sã n _h ỏo – m _h	4	2		2
25.	Soi gấc ti _h ền ph _h Đng	2	0		2
26.	Sắc k _h qu _h ch _h ốp m ¹ ch k _h ỹ h _h hu _h ính quang	2	0		2
27.	Mắ c _h b _h ớ	4	0	2	2
28.	Mắ c _h m _h ềng m _h chu bi ^a n	4	0	2	2

3- Chẩn th- ơng Mắt – Bỏm mắt.

S T T	Nội dung tay nghề thực hành	Số lần thực hiện	Làm đ- ợc	Phụ mỏ	Kiến tập
29.	Rửa mắt cấp cứu bỏm hoá chất	6	4		2
30.	Lấy dị vật kết mạc	4	2		2
31.	Lấy dị vật giác mạc nông	6	4		2
32.	Lấy dị vật giác mạc sâu	4	2		2
33.	Tiêm máu tự thân d- ới kết mạc	4	0	2	2
34.	Chích máu tiền phòng	4	2		2
35.	Xử trí vết th- ơng da mi đơn giản	6	2	2	2
36.	Xử trí vết th- ơng da mi phức tạp	6	2	2	2
37.	Xử trí vết th- ơng kết mạc	6	2	2	2
38.	Xử trí vết th- ơng rách giác mạc đơn giản	6	0	4	2
39.	Xử trí vết th- ơng rách giác mạc phức tạp	4	0	2	2
40.	Mổ lấy dị vật nội nhãn	4	0	2	2
41.	Xử trí vết th- ơng rách củng mạc	4	0	2	2
42.	Thăm dò củng mạc	4	0	2	2

4- Bệnh mắt trẻ em, tật khúc xạ.

S T T	Nội dung tay nghề thực hành	Số lần thực hiện	Làm đ- ợc	Phụ mỏ	Kiến tập
43.	So khóc x ¹ và thờ k ¹ h cốn	6	4		2
44.	So khóc x ¹ và thờ k ¹ h vi Ớn	6	4		2
45.	So khóc x ¹ và thờ k ¹ h lỏ thĐ	6	4		2
46.	So khóc x ¹ và thờ k ¹ h lo ¹ n thĐ	6	4		2
47.	Chộn Ớ, n Ớ, c Hirsberg	6	4		2
48.	Mắ l, c	4	0	2	2
49.	Sđt k ¹ h, p chĐng	4	2		2

H- ỚNG DẪN THỰC HIỆN CH- ỜNG TRÌNH

1. Ch- ơng trình: Bác sĩ chuyên khoa cấp I Mắt

2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:

2.1. Nội dung:

Xếp lịch học theo thứ tự sau:

- Các môn chung học trong học kỳ I.
- Các môn cơ sở và hỗ trợ học trong học kỳ II.
- Các môn chuyên ngành học trong học kỳ III và IV.
- Riêng môn ngoại ngữ học xen kẽ với các môn trên trong học kỳ I, II, III.
- Thi tốt nghiệp vào học kỳ IV.
- Trong thời gian này có 4 tuần đi thực địa: tại các trung tâm y tế quận, huyện, các trạm y tế xã, ph- ờng.

1 đơn vị học trình lý thuyết = 15 tiết chuẩn = 15 tiết lý thuyết

1 đơn vị học trình thực hành tại Bv = 15 tiết chuẩn = 45 tiết thực hành

1 đơn vị học trình tại phòng học hoặc phòng xét nghiệm = 15 tiết chuẩn = 30 tiết thực hành.

2.2. Quỹ thời gian (tính theo tuần)

Học kỳ	Học tập	Thi	Tết/Hè	Hoạt động khác	Dự trữ	Tổng
I	18	2	3	1	1	25
II	19	2	3	1	1	26
III	18	2	3	1	1	25
IV	16	4	3	1	1	25
Tổng	71	10	12	4	4	101

3. Thực hành lâm sàng và thực tế tại cộng đồng:

3.1. Thực hành lâm sàng:

- Khoa Mắt Bệnh viện Việt Tiệp.
- Khoa Mắt Bệnh viện Tr- ờng Đại học Y Hải Phòng.

- Bệnh viện Mắt Hải Phòng.
- Các khoa: Tai Mũi Họng, Khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Việt Tiệp.
- Các phòng khám, phòng thực hành, xét nghiệm, phòng mổ của Bệnh viện Tr- ờng Đại học Y Hải Phòng.

3.2. Thực tế tại cộng đồng:

Trung tâm y tế 5 quận, huyện thuộc Hải Phòng.

4. Kiểm tra, thi:

4.1. Kiểm tra sau mỗi môn học, học phần:

- Lý thuyết: thi viết, trắc nghiệm để đánh giá kiến thức.
- Thực hành: chỉ tiêu thực hành, bảng kiểm để đánh giá khả năng thực hành tay nghề.

4.2. Thi tốt nghiệp:

- Lý thuyết: Thi viết.
- Thực hành: +Trình bày bệnh án, chẩn đoán, điều trị một bệnh mắt sau khi bốc thăm.

+ Làm tối thiểu 1 thủ thuật hoặc 1 phẫu thuật mắt.

4.3. Cách tính điểm:

- Thi lý thuyết: thang điểm 10.
- Thi thực hành tay nghề: làm thủ thuật - thang điểm 10
- Thi thực hành bệnh án: làm bệnh án - thang điểm 10.
- Thiếu điểm hoặc không đạt điểm môn học nào thì thi lại môn học đó (chỉ thi lại một lần).

* 3 điểm này độc lập t- ơng đ- ơng nhau.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*